

VẤN ĐỀ HÀNG HÓA SỨC LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

ĐINH THỊ KIM CHI

1. Bàn về hàng hóa sức lao động

Hiện nay người ta bàn nhiều tới việc làm thế nào để hình thành và phát triển thị trường lao động ở VN. Trong thực tế các nhà kinh tế đã đưa ra không ít những giải pháp nhưng vấn đề quan trọng có thể giải quyết tận gốc trong tư tưởng mỗi người là vấn đề lý luận về sự tồn tại của hàng hóa sức lao động ở VN. Chỉ khi tư tưởng đã thông suốt thì các giải pháp đưa ra mới thực sự có tính thuyết phục.

Sau một thời gian dài thực hiện cơ chế kinh tế tập trung bao cấp, từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, nước ta đã và đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước. Trong quá trình chuyển biến này thực tế vận động của nền kinh tế xã hội đòi hỏi chúng ta phải thừa nhận sức lao động là hàng hóa, một vấn đề xa lạ đối với cơ chế kế hoạch tập trung bao cấp, do đó vấn đề trở nên cần thiết được thừa nhận đối với không ít người vốn đã quen với cơ chế kinh tế cũ.

Qua thực tiễn, người ta nhận thấy rằng việc thừa nhận sức lao động là hàng hóa ở VN là cần thiết vì điều này có tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy phát triển hiệu quả kinh tế - xã hội.

Trước hết, chúng ta đã nhận thức được kinh tế hàng hóa là một phát minh lớn của loài người về một kiểu tổ chức SX - XH sao cho sử dụng tiết kiệm nhất các nguồn lực vốn đã hạn hẹp của xã hội. Do đó nếu thừa nhận tư liệu sản xuất là hàng hóa, sản phẩm của lao động là hàng hóa thì việc thừa nhận sức lao động, một nguồn lực quan trọng của mọi quá trình SX là hàng hóa, là hệ quả của một logic tất yếu. Nó sẽ đảm bảo cho hệ thống thị trường ở nước ta tồn tại và phát triển một cách đồng bộ.

Thứ hai, hiện nay chúng ta thực hiện một chế độ sở hữu đa dạng về tư liệu sản xuất, thực hiện một nền kinh tế đa thành phần trong đó có thành phần kinh tế TBCN, thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Đối với những thành phần này cơ sở tồn tại của chúng là trên thị trường chủ tư bản phải tìm thấy hàng hóa sức lao động. Bởi vậy chỉ khi chúng ta thừa nhận sức lao động là hàng hóa như thừa nhận một hiện thực khách quan thì những thành phần ấy mới hoạt động tích cực để tham gia vào quá trình tăng cường tích lũy và phát triển hiệu quả kinh tế của đất nước.

Thứ ba, chỉ khi chúng ta thừa nhận sức lao động là hàng hóa thì việc phân bổ nguồn lực sức lao động mới thực sự tìm được cơ cấu phân bổ hợp lý có hiệu quả. Trong cơ chế kế hoạch tập trung, khi sức lao động không được công nhận là hàng hóa, người ta phủ nhận tính độc lập tự chọn việc, tự tìm việc của người lao động, người lao động

được phân bổ một lần cho tới suốt đời, là nguyên nhân sinh ra cơ chế kìm hãm tính tích cực và sáng tạo của người lao động, gây ra sự bất bình đẳng về cơ hội làm việc mà còn chất lên vai các doanh nghiệp trách nhiệm một "công ty bảo hiểm", làm cho các doanh nghiệp không có điều kiện điều tiết người làm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Nay chuyển sang cơ chế thị trường, việc thừa nhận sức lao động là hàng hóa giúp các doanh nghiệp xác định vai trò pháp nhân của mình. Các doanh nghiệp có điều kiện điều tiết số người lao động nhằm cải thiện chế độ làm việc, chế độ tiền lương và phúc lợi cho người lao động. Chỉ khi sức lao động được thừa nhận là hàng hóa chúng ta mới thực sự có điều kiện xóa bỏ tình trạng khép kín của nền kinh tế, phân bổ hợp lý các nguồn lực phù hợp với nhu cầu điều chỉnh cơ cấu của nền kinh tế.

Thứ tư, khi sức lao động là hàng hóa thì trên thị trường sức lao động (thị trường lao động) một mặt người lao động khẳng định được quyền độc lập, quyền làm chủ sức lao động của mình trên thực tế, mặt khác trên thị trường này họ tích cực tham gia cạnh tranh nhờ đó phát huy tính tích cực, tính sáng tạo, tính kỷ luật của người lao động. Đó chính là nhân tố thúc đẩy người lao động luôn tìm cách hoàn thiện và phát triển bản thân cho phù hợp với yêu cầu xã hội hóa ngày càng cao của nền kinh tế xã hội.

Tóm lại, việc thừa nhận sức lao động là hàng hóa có một ý nghĩa hết sức to lớn cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Nhưng hiện tượng sức lao động là hàng hóa ở VN trong thời kỳ quá độ có phải là hiện tượng tất yếu khách quan hay không?

Khi nghiên cứu lịch sử ra đời của giai cấp vô sản Anh trong tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, Engels đã mô tả quá trình người sản xuất hàng hóa nhỏ, kể từ hữu nhỏ, đã bị mất dần tư liệu sản xuất dưới tác động của phát triển khoa học kỹ thuật và sự chi phối của quy luật giá trị cuối cùng đã phải đem bán sức lao động của họ không bao giờ tách khỏi họ cho tới lúc chết đó là sức lao động. Tổng kết điều kiện xã hội của hàng hóa sức lao động trong tác phẩm *Tư bản*, Marx chỉ rõ

"sức lao động chỉ có thể xuất hiện trên thị trường với tư cách là hàng hóa khi nó được đưa ra thị trường và chỉ trong chừng mực nó được đưa ra thị trường, hay được chính người chủ của nó, tức là bản thân người có sức lao động đó, đem bán. Muốn cho người chủ sức lao động ấy có thể bán được nó với tư cách là hàng hóa, thì người đó phải có khả năng chi phối được sức lao động ấy. Do đó, người ấy phải là kẻ tự do sở hữu năng lực lao động của mình, thân thể của mình. Điều kiện căn bản thứ hai là người chủ sức lao động phải không còn có khả năng bán những hàng hóa trong đó lao động của anh ta được vật hóa, mà trái lại anh ta buộc phải đem bán, với tư cách là hàng hóa, chính ngay cái sức lao động chỉ tồn tại ở trong cơ thể sống của anh ta thôi".

Như vậy sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi trước tiên sức lao động ấy thuộc sở hữu cá nhân người lao động, có như vậy, người lao động mới thực sự chi phối được nó, đem bán được nó. Bên cạnh đó, người lao động bị tách khỏi tư liệu sản xuất, họ không có khả năng kết hợp trực tiếp với tư liệu sản xuất, không có điều kiện tự do chi phối tư liệu sản xuất để tạo ra hàng hóa trong đó lao động của họ được vật hóa.

Những điều kiện này thực sự đã và đang tồn tại ở VN.

Ở nước ta hiện nay mỗi gia đình về cơ bản đều tự lo trang trải mọi chi phí cho việc sản xuất và tái sản xuất sức lao động, bởi vậy sức lao động trên thực tế là sở hữu của cá nhân.

Do sức lao động là sở hữu cá nhân nên mỗi cá nhân có quyền khẳng định tính độc lập, tính tự chủ trong việc định đoạt về sức lao động của mình. Trong đó có việc tự do lựa chọn việc làm.

Thực tế vận động của cơ chế tập trung bao cấp cho thấy việc phủ nhận sức lao động là sở hữu cá nhân dẫn đến phủ nhận tính độc lập tự chủ của người lao động đã kìm hãm sự phát triển của sức lao động, tiềm tàng những mâu thuẫn về quyền lợi, khiến cho nhiều quan hệ kinh tế cơ bản không thể giải quyết, đồng thời làm cho sự vận hành của nền kinh tế thiếu động lực, thiếu sức sống, các nguồn lực không được phân bổ với hiệu quả KT -

XH cao.

Điều kiện thứ hai để sức lao động có thể trở thành hàng hóa cũng tồn tại rất rõ rệt ở VN.

Đối với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư bản thì tư liệu sản xuất rõ ràng không thuộc người lao động bởi vậy quan hệ giữa họ với doanh nghiệp là quan hệ hợp đồng mua bán sức lao động.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước cũng có ý kiến cho rằng người lao động ở các doanh nghiệp nhà nước là người chủ của tư liệu sản xuất nên quan hệ giữa họ với doanh nghiệp không phải là quan hệ mua bán sức lao động. Đây là vấn đề còn phải được tranh luận. Theo chúng tôi, ngay ở các doanh nghiệp nhà nước, sức lao động cũng phải được coi là hàng hóa bởi lẽ ở đây tư liệu sản xuất thuộc về mọi người chứ không thuộc về một thành viên cụ thể. Mỗi người lao động không có quyền trực tiếp chiếm hữu, chỉ phối tư liệu sản xuất với tư cách cá nhân, bởi mỗi cá nhân ấy chỉ là một thành viên trong chủ thể sở hữu công cộng. Bởi vậy, điều kiện thực tế để kết hợp người lao động với tư liệu sản xuất là người lao động được doanh nghiệp tuyển dụng và trở thành thành viên của doanh nghiệp. Hợp đồng tuyển dụng là bản cam kết quyền lợi và nghĩa vụ của cả doanh nghiệp và người lao động, nó được ký kết trong điều kiện cả doanh nghiệp và người lao động đều có quyền tự do lựa chọn, không bên nào có quyền áp đặt ý chí của mình, và cả hai bên đều thừa nhận địa vị pháp lý bình đẳng của nhau. Chỉ khi hợp đồng được ký kết người lao động mới có khả năng kết hợp sức lao động của mình với tư liệu sản xuất bởi vậy thực chất ở đây người lao động thực hiện hành vi bán, còn doanh nghiệp thực hiện việc mua sức lao động.

Trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay khi thị trường sức lao động phát triển rộng lớn trên phạm vi toàn thế giới đã cuốn hút toàn nhân loại kể cả những người có tư liệu sản xuất vào một bài toán hiệu quả về việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của mình. Bài toán này buộc mọi người phải lựa chọn hoặc kết hợp sức lao động của mình với tư liệu sản xuất của mình, hoặc một mặt đóng góp tư liệu sản xuất của mình dưới dạng cổ phần hay cho vay, còn sức lao động của mình thì đem bán. Các đáp số đều dựa trên cơ sở phương án nào đem về thu nhập nhiều hơn và bảo toàn nguồn lực của họ vững chắc hơn.

Qua đó, ta thấy chính những điều kiện lịch sử buộc người lao động tự do phải bán sức lao động để tạo điều kiện hình thành nên thị trường sức lao động, nhưng khi thị trường này lớn mạnh đã tạo ra những dòng xoáy cuốn

hút cả những người không thuộc diện cần bán sức lao động trở thành kẻ có nhu cầu bán sức lao động, biến sức lao động của họ trở thành hàng hóa.

2. Những giải pháp và chính sách để phát triển thị trường sức lao động ở VN hiện nay

Thị trường lao động phản ánh mối quan hệ giữa cung - cầu lao động và tiền lương.

Xét từ phía cầu lao động chúng ta thấy những nguồn cầu lao động cơ bản ở nước ta gồm khu vực nhà nước, khu vực tư nhân, khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài và xuất khẩu lao động.

Cầu đối với lao động ở nước ta không chỉ về mặt số lượng lao động mà còn cả về chất lượng. Ngày nay nguồn cầu lao động luôn đòi hỏi nhân công phải có trình độ. Theo Cục quản lý lao động (Bộ LĐ - TBXH), khó khăn nhất trong lĩnh vực xuất khẩu lao động không phải là thị trường mà là chất lượng lao động. Kết quả điều tra tổng quát lao động chất xám từ 1998 - 2000, TP.HCM đang thiếu lao động CNKT lành nghề, số lượng lao động chất xám thiếu 27%. Mỗi năm, tại TP.HCM nhu cầu cần khoảng 10.000 CNKT bậc 4, trong khi đó chỉ đào tạo chưa được 1.000.

Xét từ phía cung lao động ta thấy nguồn cung lao động ở nước ta là rất lớn, nhưng xét theo trình độ lao động trong nguồn cung thì ở nước ta cung lao động phổ thông quá lớn. Thất nghiệp năm 1998, tỷ lệ tính chung trong toàn quốc là 6,85%, trong đó Hà Nội có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất là 9,07%. Do tiền lương giữa các khu vực quá chênh lệch đã làm dòng lưu động của thị trường lao động chảy về nơi thu nhập cao. Tỷ lệ lao động chuyển từ khu vực nhà nước sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 30%, từ khu vực nhà nước sang khu vực tư nhân chiếm khoảng 28%, từ nội bộ khu vực nhà nước với nhau chiếm 30%. Ở khu vực đầu tư nước ngoài mức lương chênh lệch giữa lao động chuyên gia có trình độ với lao động phổ thông chênh lệch 5,22 lần, chính vì thế sức hút lao động chất xám vào khu vực đầu tư nước ngoài tăng cao. Ở khu vực tư nhân tiền lương chênh lệch giữa các chuyên gia có trình độ với lao động phổ thông là 2,68 lần trong khi đó ở khu vực nhà nước thì khoảng 1,75 lần. Mức chênh lệch này cho thấy số lao động có trình độ chuyên môn khoa học từ đại học trở lên hoặc công nhân kỹ thuật bậc cao sẽ đổ xô vào các khu vực có mức lương cao, gây nên tình trạng có chỗ thừa, chỗ thiếu.

Trước thực trạng trên, để giải quyết tình hình thị trường lao động ở VN, trước mắt nhà nước cần xem xét lại chính sách tiền lương và thuế thu nhập, cần xây dựng đồng bộ cơ chế quản lý tiền lương cho từng khu vực.

từng thành phần kinh tế. Mức lương tối thiểu không nên quá phân biệt giữa các thành phần kinh tế.

Biện pháp quan trọng hơn cả có tính chất quyết định cho sự thay đổi tình hình thị trường lao động ở VN hiện nay là nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Muốn vậy trong đào tạo nhà trường cần có quan hệ gắn bó mật thiết với các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất nơi sử dụng lao động và có điều kiện cho học sinh tiếp cận với công nghệ tiên tiến hỗ trợ học tập, giúp học sinh nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Trong hệ thống đào tạo cần mở rộng các trường dạy nghề ở các tỉnh, huyện. Bên cạnh đó cần tổ chức thi tay nghề xác định bậc CNKT độc lập không phụ thuộc vào chế độ xếp lương của các doanh nghiệp để xác định đúng trình độ thực tế của công nhân kỹ thuật, cần mở rộng tái đào tạo nhân công theo định kỳ.

Để có khả năng kiểm soát, điều chỉnh sự vận động của thị trường lao động, ở mỗi địa phương nên sớm tổ chức một trung tâm thông tin về thị trường lao động để có thể xây dựng hệ thống chỉ tiêu thông tin về nhu cầu việc làm, về những lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn có khả năng thu hút lao động mới, về chất lượng lao động phù hợp với yêu cầu của thị trường, cần thực hiện việc phát thể lao động cho các thành viên xã hội đến tuổi lao động và có đủ điều kiện lao động theo quy định của pháp luật nước CHXHCNVN, qua đó các trung tâm thông tin thị trường lao động có điều kiện kiểm soát, điều tiết thị trường này tốt hơn.

Những biện pháp cơ bản để tăng cầu lao động vẫn là mở rộng tái đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Cần phát triển các nghề thu hút nhiều lao động như dệt, may, điện tử, xây dựng, bưu điện, sản xuất chế biến nông thủy hải sản, sản xuất cơ khí, nhựa, vật liệu xây dựng...khôi phục nghề cổ truyền, tạo điều kiện mở rộng kinh tế trang trại, phát triển dịch vụ.

Biện pháp cuối cùng và có tính chất lâu dài chính là giảm tốc độ tăng dân số, hạn chế tăng dân số đặc biệt ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế chậm phát triển.

Trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay ở VN, củng cố và phát triển thị trường hàng hóa sức lao động có ý nghĩa to lớn. Đó là cơ sở để nhà nước đưa ra những chính sách, quy định thống nhất để chống lại tình trạng bóc lột quá đáng đối với người lao động, nhằm đảm bảo lợi ích và nghĩa vụ của cả người lao động và các doanh nghiệp sao cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.